

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.**

Bản án số: 56/2023/HS-ST
Ngày 21/02/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Trọng Thịnh.*
- *Các hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Sơn, Bà Trần Thị Hiền*
- *Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Văn Thanh*
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Chiêm, Kiểm sát viên.*

Ngày 21/ 02 /2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 60/2023/TLST-HS ngày 18/01/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2023/QĐXXST-HS ngày 07/ 02/2023 đối với bị cáo:

1. Nguyễn Đức H, sinh năm 1973, tại tỉnh Bắc Ninh.

HKTT: khu T, phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Nghề nghiệp: Lao động tự do – Trình độ văn hoá: lớp 8/12.

Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Nguyễn Văn S, sinh năm 1948 (chết)

Con bà: Vũ Thị T, sinh năm 1948

Vợ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1974.

Con: có 02 con lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 1996.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/11/2022 đến ngày 25/11/2022, hiện tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

2. Nguyễn Thị C, sinh năm 1975. Tại tỉnh Bắc Ninh.

HKTT; khu T, phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh

Nghề nghiệp: Lao động tự do – Trình độ văn hóa: lớp 8/12

Dân tộc: Kinh, Giới tính: Nữ, Tôn giáo: không, Quốc tịch: Việt Nam

Con ông: Lưu Văn C (chết).

Con bà: Nguyễn Thị K, sinh năm 1940

Chồng: Phạm Ngọc H, sinh năm 1971

Con: có 02 con, lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 1997

Tiền án, tiền sự: không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/11/2022 đến ngày 15/11/2022. Hiện tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

3. Đặng Vĩnh L, sinh năm 1997

HKTT; thôn N, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cao

Nghề nghiệp: Lao động tự do – Trình độ văn hóa: lớp 09/12

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Đặng Văn S, sinh năm 1954

Con bà: Trần Thị C, sinh năm 1955.

Vợ: Sải Văn T, sinh năm 1998

Con: có 02 con lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2020

Tiền án, tiền sự: không

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/11/2022 đến ngày 17/01/2023. Hiện tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

4. Lê Văn H, sinh năm 1982

HKTT; thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Nghề nghiệp: Lao động tự do – Trình độ văn hóa: lớp 09/12 (đảng viên)

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông: Lê Văn T, sinh năm 1943

Con bà: Nguyễn Thị S, sinh năm 1951

Vợ: Dương Thị H, sinh năm 1983

Con: có 03 con lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2015

Tiền án, tiền sự: không

Bị tạm giữ từ ngày 11/11/2022 đến ngày 13/11/2022. Hiện tại ngoại (có mặt tại phiên tòa)

5. Hoàng Thị Nhật V, sinh năm 1980

HKTT; khu 4, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Nghề nghiệp: Lao động tự do – Trình độ văn hóa: lớp 12/12

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông: Hoàng Khắc N, sinh năm 1942 (chết)

Con bà: Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1949

Chồng: Nguyễn Văn N, sinh năm 1974

Con: có 02 con lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2005.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị tạm giữ từ ngày 11/11/2022 đến ngày 15/11/2022. Hiện tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

6. Nguyễn Như V, sinh năm 1989

HKTT; thôn P, xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang

Nghề nghiệp: Lao động tự do – Trình độ văn hóa: lớp 12/12

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông: không rõ

Con bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1954

Vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1992

Con: có 02 con lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2018

Tiền án, tiền sự: không

Bị tạm giữ từ ngày 11/11/2022 đến ngày 15/11/2022. Hiện tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

7. Trương Văn T, sinh năm 1997

HKTT; khu T, phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Nghề nghiệp: Lao động tự do – Trình độ văn hóa: lớp 12/12

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Trương Văn G, sinh năm 1974

Con bà: Phạm Thị T, sinh năm 1976

Vợ, con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: không

Bị tạm giữ từ ngày 11/11/2022 đến ngày 19/11/2022. Hiện tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

8. Đặng Vĩnh P, sinh năm 1997

HKTT; thôn N, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Lao động tự do – Trình độ văn hóa: lớp 10/12

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Đặng Văn S, sinh năm 1954

Con bà: Trần Thị C, sinh năm 1955

Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1996

Con có 02 con lớn nhất sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2022

Tiền án, tiền sự: không

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/11/2022 đến ngày 17/01/2023. Hiện tại ngoại (có mặt tại phiên tòa)

9. Tạ Văn T, sinh năm 1989

HKTT; thôn K, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Nghề nghiệp: Lao động tự do – Trình độ văn hóa: lớp 10/12

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông: Tạ Văn T, sinh năm 1958 (đã chết)

Con bà: Hoàng Thị M, sinh năm 1958 (đã chết).

Vợ: Lê Thị Vi Q, sinh năm 1991

Con: có 02 con lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2015

Tiền án, tiền sự: không

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/11/2022 đến ngày 17/01/2023. Hiện tại ngoại (có mặt tại phiên tòa)

10. Trần Duy T, sinh năm 1992

HKTT; thôn N, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Lao động tự do – Trình độ văn hóa: lớp 12/12

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông: Trần Duy C, sinh năm 1966

Con bà: Trần Thị T, sinh năm 1974

Vợ: Ứng Thị Hoài T, sinh năm 1992

Con: có 01 con sinh năm 2009

Tiền án, tiền sự: không

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/11/2022 đến ngày 17/01/2023. Hiện tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 10/11/2022 bị cáo H đang ngồi uống rượu cùng với Đặng Văn L ở nhà người quen thì có bị cáo T gọi điện bảo H về nhà ngồi uống nước. Bị cáo H một mình đi về nhà thì thấy bị cáo T và T đang đứng chờ ở cổng. Bị cáo H bảo mọi người vào nhà uống nước. Một lúc sau bị cáo L cũng đến, tại đây bị cáo L, T, T có rủ nhau đánh bạc ăn tiền. Mọi người hỏi ý kiến bị cáo H thì bị cáo H đồng ý cho mọi người đánh bạc trên tầng hai tại nhà H. Bị cáo H có chuẩn bị 02 bộ tú lơ khơ cho mọi người đánh bạc. Các bị cáo đều thống nhất đánh bạc ăn tiền bằng hình thức đánh liêng và thống nhất cách chơi như sau: Mỗi người tham gia chơi, trước mỗi ván phải đặt 50.000đ gọi là góp gà. Sau mỗi bị cáo được chia 3 quân bài, người chia bài sẽ đặt tiền và tổ đầu tiên, hoặc bỏ bài. Nếu người đầu tiên bỏ bài thì người tiếp theo sẽ tổ đầu tiên. Nếu người đầu tổ thì người thứ hai có thể bỏ bài hoặc theo bằng số tiền người đầu tổ hoặc có thể cao hơn nhưng không vượt quá 500.000đ một lượt, cứ lần lượt như

vậy. Ván bài kết thúc mà không có ai theo hoặc có nhưng người theo sau không tố thêm thì sẽ so bài. Ai thắng sẽ được ăn tiền gà và toàn bộ tiền tố, tiền theo. Ván bài ai được sếp (03 quân giống nhau) thắng sẽ được thêm của mỗi người chơi 100.000đ. Ván bài ai được đồng hoa (03 quân bài liền nhau cùng chất) thắng sẽ được thêm mỗi người chơi 50.000đ. Khi chơi tất cả đều thông nhất mỗi người chơi phải nộp cho H 200.000đ tiền hồ. Ngoài ra, trong quá trình chơi, nếu ai được “Sếp” thì nộp cho H 100.000đ, ai được “Đồng hoa” thì nộp cho bị cáo H 50.000đ. bị cáo H thu của mỗi người 200.000đ rồi để mọi người đánh bạc trên tầng 2 nhà của bị cáo H mà không tham gia đánh bạc.

Bị cáo T, L, T chơi được một lúc thì có bị cáo P, H và V đến chơi. Khi đến chơi, những người này đều phải nộp cho bị cáo H 200.000đ tiền hồ. Tổng số tiền mà bị cáo H thu của những người đến đánh bạc là 1.200.000đ. Quá trình chơi không ai được “Sếp” hay “Đồng hoa” nên không có ai phải nộp tiền thêm cho bị cáo H. Khi các bị cáo đánh bạc được khoảng 60 phút thì bị cáo T hết tiền nên không chơi nữa đi xuống dưới nhà, 05 người còn lại tiếp tục đánh. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày thì bị lực lượng Công an vào kiểm tra bắt quả tang và thu giữ vật chứng gồm:

Thu tại chiếu bạc 11.820.000đ, và 1.200.000đ là tiền hồ các bị cáo nộp cho bị cáo H. Thu 02 bộ bài tứ lơ khơ 52 quân.

Khi đánh bạc thì bị cáo L mang theo 1.500.000đ, H mang 4.000.000đ, T mang 650.000đ, P mang 1.670.000đ, V mang 3.200.000đ và bị cáo T mang 2.000.000đ. Các bị cáo chơi bạc tại tầng 2 nhà bị cáo H, ngồi theo hình tròn, cả 6 bị cáo ngồi chơi được một lúc sau thì bị cáo T thua hết tiền nên bị cáo T xuống tầng 1 nhà bị cáo H. Sau khi thấy lực lượng Công an bắt quả tang các bị cáo trên về hành vi đánh bạc, bị cáo T đã tự nguyện ra đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Quá trình điều tra xác định ngoài hành vi đánh bạc, bị cáo H còn làm thư ký lô, đề cho bị cáo C. Sau khi biết H bị bắt bị cáo C, V và T đã tự nguyện đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Cụ thể bị cáo C và H có quen biết nhau do ở gần nhà, C và H thỏa thuận thống nhất, hằng ngày bị cáo H sẽ bán số lô, đề cho người chơi. Sau khi bán được số lô, đề bị cáo H sẽ nhắn tin qua tài khoản Zalo có tên đăng nhập “Nguyễn Đức H” của H để chuyển các số lô, đề bán được vào tài khoản Zalo có tên đăng nhập “Lưu C” của bị cáo C. Bị cáo C và H thống nhất đối với số lô H bán cho khách 1 điểm là 23.000đ thì bị cáo C sẽ mua

lại với giá 22.800đ; với số đề nếu H bán cho khách 100.000đ thì C mua lại là 83.000đ, với số lô xiên bị cáo H bán cho khách là 100.000đ, C sẽ mua lại 70.000đ. Kết quả thắng thua tính theo kết quả xổ số Miền Bắc mở thưởng hàng ngày. Nếu người chơi trúng thưởng thì bị cáo C sẽ thanh toán cho bị cáo H để bị cáo H trả cho người chơi. Nếu người chơi không trúng thì bị cáo C sẽ được hưởng số tiền đó. Bị cáo C trích trả hoa hồng theo thỏa thuận cho bị cáo H.

Về cách thức đánh bạc và tỷ lệ được thua của người chơi số lô, số đề được tính như sau: Đối với chơi số đề là người chơi chọn mua theo hai số cuối của giải đặc biệt hoặc giải nhất kết quả xổ số mở thưởng hàng ngày hôm đó, nếu trúng thì tỷ lệ thắng đề là được gấp 80 lần số tiền bỏ ra để đánh đề. Đối với chơi số lô là người chơi chọn hai số cuối của tất cả các giải từ giải đặc biệt đến giải bảy để mua, chơi số lô tính theo điểm, một điểm lô tương ứng với số tiền 23.000đ. Nếu trúng thì tỷ lệ thắng được tính là 80.000đ/1 điểm, ngoài ra nếu trúng nhiều lần thì số tiền thưởng được nhân với số lần trúng đó. Đối với chơi lô xiên là người chơi chọn một cặp 02 số gọi là lô xiên 2, một cặp có 03 số gọi là lô xiên 3 để dự đoán các cặp số đó sẽ có trong hai số cuối của hệ thống giải thưởng kết quả xổ số để đặt tiền mua. Nếu trúng lô xiên 2 thì được gấp 10 lần số tiền mua, trúng lô xiên 3 thì được gấp 40 lần số tiền mua, trúng lô xiên 4 thì được gấp 100 lần tiền mua. Việc mua bán số lô, số đề mỗi ngày kết thúc trước giờ mở thưởng kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc ngày hôm đó (18 giờ 15 phút). Nếu người chơi trúng thưởng các con số lô, đề đã mua thì thư ký đề sẽ trả tiền trúng thưởng cho người chơi, nếu người chơi thua thì sẽ mất số tiền đã mua số lô đề.

Quá trình điều tra xác định: Ngày 09/11/2022 bị cáo V dùng điện thoại đăng nhập vào tài khoản Zalo có tên “Nguyễn Như V” để nhắn tin vào tài khoản Zalo có tên “Nguyễn Đức H” để mua các số lô đề giải nhất và giải đặc biệt số 66, 22, 00, 88, 80, 08, 91, 40 mỗi số 50.000đ, tổng số tiền là 800.000đ, số lô 91, 40 mỗi số 50 điểm, tổng cộng là 2.300.000đ. Số lô xiên 3 các số 91, 97, 68 là 200.000đ, số 99, 04, 37 là 300.000đ, số 09, 91, 97 là 100.000đ. Số lô xiên 2 các số 91, 68 là 300.000đ. Số lô xiên 4 các số 88, 04, 12, 91 là 300.000đ, tổng cộng là 1.200.000đ. Số đề giải đặc biệt các số 61, 08, 88 mỗi số 250.000đ, tổng cộng là 750.000đ. Số đề 3 càng giải đặc biệt các số 661, 208, 288 mỗi số 150.000đ, tổng cộng là 450.000đ. Tổng số tiền bị cáo V mua số lô, đề của bị cáo H ngày

09/11/2022 là 5.500.000đ, sau khi có kết quả xổ số thì bị cáo V không trúng thưởng.

Cũng trong ngày 09/11/2022 bị cáo L nhắn tin nhờ bị cáo T mua hộ các số lô đề của H. T đã dùng điện thoại di động nhắn tin vào tài khoản Zalo có tên đăng nhập “Nguyễn Đức H” để mua hộ L các số lô, đề như sau: lô 65, 88 mỗi số 50 điểm, tổng cộng là 2.300.000đ, 4 cửa số 65, 80, 93 mỗi cửa 50.000đ, tổng cộng là 600.000đ. Xiên 3 các số 65, 80, 93 là 100.000đ. Xiên 2 các số 65, 80 là 200.000đ; các số 65, 93 là 200.000đ. Tổng số tiền bị cáo T mua số lô, đề của bị cáo H là 3.400.000đ. Sau khi có kết quả xổ số Miền Bắc thì bị cáo L và T trúng thưởng 12.000.000đ. tổng số tiền lô, đề bị cáo T, L đánh và trúng là 15.400.000đ.

Ngoài bán số lô, đề cho bị cáo V, T và L, H còn bán số lô, đề cho một số người chơi khác được số tiền 12.480.000đ. Sau khi có kết quả xổ số miền Bắc có khách trúng 13.600.000đ. Những người này đến mua trực tiếp của bị cáo H nhưng H không biết tên, tuổi địa chỉ cụ thể ở đâu.

Kiểm tra tin nhắn Zalo của bị cáo V, T gửi cho bị cáo H và tin nhắn Zalo bị cáo H gửi cho bị cáo C xác định tổng số lô đề bị cáo H bán cho người chơi ngày 09/11/2022 như sau.

Tổng số tiền khách đánh lô: 710 điểm = 16.330.000đ

Tổng số tiền khách đánh giải đặc biệt: 1.400.000đ

Tổng số tiền khách đánh giải nhất là: 100.000đ

Tổng số tiền khách đánh hai cửa là: 800.000đ

Tổng số tiền khách đánh 4 cửa là: 600.000đ

Tổng số tiền khách đánh ba càng là: 450.000đ

Tổng số tiền khách đánh xiên hai là: 700.000đ

Tổng số tiền khách đánh xiên ba là: 700.000đ

Tổng số tiền khách đánh xiên bốn là: 300.000đ.

Như vậy tổng số tiền lô, đề bị cáo H bán cho khách ngày 09/11/2022 là 21.380.000đ, sau khi bán được các số lô đề trên bị cáo H chuyển hết cho bị cáo C với số tiền là 19.448.000đ để hưởng lợi 1.932.00đ. Căn cứ kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng ngày 09/11/2022 thì có khách trúng số lô, đề với số tiền trúng thưởng là 25.600.000đ. Như vậy tổng số tiền bán lô, đề và tiền trúng thưởng bị cáo H làm thư ký cho bị cáo C trong ngày 09/11/2022 là 46.980.000đ, sau khi trả thưởng bị cáo C thua số tiền 6.152.000đ.

Ngày 10/11/2022 bị cáo V tiếp tục nhắn tin qua Zalo mua các số đề giải đặc biệt 88 là 250.000đ, số đề giải nhất 88 là 500.000đ. Tổng số tiền bị cáo V mua của bị cáo H là 750.000đ. Ngoài bán số lô đề cho bị cáo V, bị cáo H còn bán số lô, đề cho một số người chơi khác đến mua trực tiếp của bị cáo H với số tiền là 11.025.000đ. Tuy nhiên bị cáo H không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của họ ở đâu, tất cả các số lô, đề bán được bị cáo H đều nhắn tin chuyển cho bị cáo C. Kiểm tra tin nhắn Zalo của bị cáo H nhắn cho bị cáo C ngày 10/11/2022 cụ thể như sau:

Tổng số tiền khách đánh lô: 395 điểm = 9.085.000đ

Tổng số tiền khách đánh giải đặc biệt: 1.650.000đ

Tổng số tiền khách đánh giải nhất là: 500.000đ

Tổng số tiền khách đánh hai cửa là: 180.000đ

Tổng số tiền khách đánh bốn cửa là: 360.000đ.

Như vậy tổng số tiền lô, đề bị cáo H bán cho khách ngày 10/11/2022 là 11.775.000đ, sau khi bán được các số lô đề trên H chuyển hết cho bị cáo C với số tiền là 10.843.700đ để hưởng lợi 931.300đ. Căn cứ kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng ngày 10/11/2022, có khách trúng 6.000.000đ. Như vậy tổng số tiền bán lô, đề và tiền trúng thưởng bị cáo H làm thư ký cho bị cáo C trong ngày 10/11/2022 là 17.775.000đ, sau khi trả thưởng bị cáo C thắng số tiền 4.843.700đ.

Về vật chứng vụ án:

Ngoài vật chứng thu giữ trong quá trình bắt quả tang, quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an thành phố B còn thu giữ:

Thu giữ của bị cáo Nguyễn Đức H 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh có số IMEI 1: 867511050189075, số IMEI 2: 867511050189057.

Thu giữ của bị cáo Nguyễn Như V 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy màu xám bạc có số IMEI 1: 35340815943183, số IMEI 2: 353409115943181.

Đối với chiếc điện thoại di động L dùng để nhắn tin nhờ bị cáo Thành mua hộ số lô đề, chiếc điện thoại T dùng để nhắn tin mua số lô, đề của H; chiếc điện thoại di động của C dùng để nhận tin nhắn các số lô, đề của bị cáo H. L, H và C đã làm rơi mất nên Cơ quan Công an không thu giữ được.

Riêng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO thu của bị cáo H và điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy thu của bị cáo V; 02 bộ bài tú lơ

khơ và số tiền 13.020.000đ trong đó có 1.200.000đ tiền hồ cần chuyển đến Cơ quan thi hành án dân sự.

Bản cáo trạng số 18/CT-VKSNDTP ngày 18/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức H, Nguyễn Thị C về các tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 và tội “Tổ chức đánh bạc” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Lê Văn H, Hoàng Thị Nhật V, Nguyễn Như V, Trương Văn T, Đặng Vĩnh P, Đặng Vĩnh L, Tạ Văn T và Trần Duy T về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo H, C khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như bản Cáo trạng đã truy tố bị cáo ra trước Tòa để xét xử về tội “Đánh bạc” và “Tổ chức đánh bạc” là đúng người đúng tội và đúng pháp luật không có oan sai, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo cải tạo sớm được trở về đoàn tụ cùng gia đình và xã hội. Bị cáo H khai khi bị bắt giữ bị cáo bị thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, chiếc điện thoại trên bị cáo dùng vào việc liên lạc với bị cáo C và các bị cáo khác để ghi số lô, đề nay bị cáo xin lại để sử dụng. Trong thời gian chuẩn bị xét xử bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 13.063.300 tại Chi cục THADS thành phố B để đảm bảo thi hành án.

Các bị cáo H, V, V, T, P, L, T và T đều khai nhận: về toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo theo như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố các bị cáo ra trước Tòa để xét xử về tội “Đánh bạc” là đúng người đúng tội và đúng pháp luật không có oan sai gì, các bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật là được cải tạo tại địa phương để bị cáo làm lại cuộc đời. Trong thời gian chuẩn bị xét xử bị cáo L đã tự nguyện nộp số tiền 5.000.000đ.

Đại diện VKSND thành phố B thực hành quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích đánh giá chứng cứ, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra cho xã hội cùng các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã kết luận vụ án và giữ nguyên quan điểm đã truy tố đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức H, Nguyễn Thị C phạm các tội “Đánh Bạc” và “Tổ chức đánh bạc”. Các bị cáo Lê Văn H, Hoàng Thị Nhật V, Nguyễn Như V, Trương Văn T, Đặng Vĩnh P, Đặng Vĩnh L, Tạ Văn T và Trần Duy T phạm tội “Đánh bạc”:

Áp dụng khoản 1 Điều 321 BLHS; điểm c khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đức H** từ 06 tháng đến 08 tháng tù về tội “Đánh bạc”; từ 12 tháng đến 14 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự về tổng hợp hình phạt buộc bị cáo **Nguyễn Đức H** phải chấp hành hình phạt

chung của hai tội là từ 18 tháng đến 22 tháng tù. Áp dụng khoản 3 Điều 322 BLHS phạt bổ sung bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321 BLHS, điểm c khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị C** từ 06 tháng đến 08 tháng tù về tội “Đánh bạc”; từ 12 tháng đến 18 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự về tổng hợp hình phạt buộc bị cáo **Nguyễn Thị C** phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là từ 18 tháng đến 22 tháng tù. Áp dụng khoản 3 Điều 322 BLHS phạt bổ sung bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321 BLHS; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1, 2 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Đặng Vĩnh L** từ 12 tháng đến 14 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng đến 28 tháng về tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321 BLHS; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Lê Văn H**, từ 08 tháng đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 tháng đến 20 tháng về tội “Đánh bạc”. **Đặng Vĩnh P, Tạ Văn T, Trần Duy T, Nguyễn Như V** từ 06 tháng đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng đến 16 tháng về tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Hoàng Thị Nhật V, Trương Văn T** từ 07 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 tháng đến 18 tháng về tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 3 Điều 321 BLHS phạt bổ sung bị cáo H, V, L, P mỗi từ 10.000.000 đồng đến 15.000.0000 đồng.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo T, T, V và T.

Truy thu của bị cáo H số tiền 2.863.300đ, Nguyễn Thị C số tiền 30.291.700đ, Đặng Vĩnh L số tiền 12.000.000đ để sung công quỹ nhà nước.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật TTHS.

Tịch thu xung công quỹ nhà nước 02 điện thoại di động và số tiền 13.020.000đ.

Tịch thu tiêu hủy 02 bộ tú lơ khơ mỗi bộ 52 quân đã qua sử dụng. Hiện các vật chứng trên do Chi cục thi hành án dân sự thành phố B quản lý.

Các bị cáo nhận tội và không tham gia tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Công an thành phố B, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố B trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại. Do vậy các hành vi, quyết định Tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trên đều hợp pháp.

2. Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với đơn trình báo, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, biên bản thu giữ tài liệu đồ vật: Đủ căn cứ kết luận: Vào khoảng 23 giờ 10 phút ngày 10/11/2022 tại tầng 2 nhà bị cáo Nguyễn Đức H các bị cáo Lê Văn H, Trương Văn T, Đặng Vĩnh P, Hoàng Thị Nhật V, Đặng Vĩnh L và Tạ Văn T có hành vi đánh bạc ăn tiền bằng hình thức đánh Liêng với số tiền là 11.820.000đ. Ngoài hành vi đánh bạc bị cáo H còn bán số lô, đề cho người chơi, sau đó chuyển cho chủ đề là bị cáo C để hưởng phần trăm lợi nhuận. Ngày 09/11/2022 H bán cho V 5.500.000đ tiền lô, đề, bán cho T (T mua hộ bị cáo L) 3.400.000đ tiền lô đề, bị cáo T trúng thưởng 12.000.000đ. Tổng số tiền lô, đề T và L đánh và trúng thưởng là 15.400.000đ, ngoài ra H còn bán cho một số người chơi khác tổng số tiền bị cáo H bán lô, đề trong ngày 09/11/2022 là 21.380.000đ, sau đó chuyển các số lô, đề cho bị cáo C để hưởng lợi 1.932.000đ, kết quả xổ số miền Bắc ngày 09/11/2022 số tiền trúng thưởng là 25.600.000đ, do vậy tổng số tiền bán lô, đề và tiền trúng ngày 09/11/2022 là 46.980.000đ. Ngày 10/11/2022 bị cáo H bán được 11.775.000đ tiền lô, đề rồi chuyển cho bị cáo C để hưởng 931.300đ, kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng ngày 10/11/2022 có khách trúng 6.000.000đ, như vậy tổng số tiền bán và trúng là 17.775.000đ.

3. Về vai trò của các bị cáo trong vụ án thấy: Trong vụ án này, bị cáo H, H, T, P, V, L, T đồng phạm về tội “Đánh bạc” bằng hình thức đánh liêng. Tuy nhiên các bị cáo không có sự phân công, bàn bạc, câu kết chặt chẽ với nhau nên chỉ là đồng phạm giản đơn. Bị cáo H có vai trò cao nhất vì số tiền bị cáo mang theo để đánh bạc nhiều hơn các bị cáo khác. Sau đó đến các bị cáo V, T, P, L, T. Bị cáo H mặc dù không tham gia đánh bạc nhưng đã giúp sức cho các bị cáo trong việc chuẩn bị công cụ, cho mượn địa điểm để đánh bạc và thu tiền hồ của những người đến đánh bạc nên đồng phạm với các bị cáo trên về tội đánh bạc.

Bị cáo H và C đồng phạm về tội “Tổ chức đánh bạc” và “Đánh bạc”. Bị cáo C là người đứng ra tổ chức việc đánh bạc, nhận số tiền đánh bạc, chịu trách nhiệm

thắng, thua. Khi có kết quả xổ số, bị cáo C là người trực tiếp trả thưởng cho thư ký là bị cáo H để H trả cho người chơi và bị cáo C trả tiền công % lợi nhuận cho bị cáo H. Do vậy bị cáo C là người giữ vai trò cao hơn bị cáo H.

Đối với hành vi đánh bạc bằng hình thức mua bán số lô, đề. Bị cáo L và T đồng phạm với nhau. Tuy nhiên chỉ là đồng phạm giản đơn. Bị cáo L là người bỏ tiền ra mua số lô và nhờ bị cáo T mua hộ số lô, đề của bị cáo H. Khi trúng thưởng bị cáo L là người nhận thưởng. Bị cáo T chỉ mua hộ số lô, đề không được hưởng lợi gì. Do vậy bị cáo L có vai trò cao hơn bị cáo T. Bị cáo V một mình mua số lô đề của bị cáo H nên phải chịu trách nhiệm với số tiền mà mình đã mua số lô, đề.

4. Về nhân thân của các bị cáo: bị cáo H, C, L, H, V, V, T, P, T và T đều có nhân thân tốt là chưa có tiền án, tiền sự.

5. Về tình tiết giảm nhẹ: Cả 10 bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị có H, V, V, T, P, T và T phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo T, C, V và T tự nguyện ra đầu thú; bị cáo H có ông nội là Liệt sỹ chống pháp; bị cáo T có ông nội, bị cáo L và P có ông ngoại là Liệt sỹ, bị cáo H có bố đẻ được tặng thưởng huân chương chiến sỹ vẻ vang nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Trong thời gian chuẩn bị xét xử bị cáo Nguyễn Đức H và Đặng Vĩnh L đã tự nguyện nộp số tiền cụ thể H nộp 13.063.300đ, L nộp 5.000.000đ nên bị cáo H và L có nhiều tình tiết giảm được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

6. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Đức H và Đặng Vĩnh L đánh bạc 02 lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm tăng nặng “phạm tội 2 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Các bị cáo còn lại không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy: Bị cáo H, C phạm 02 tội nên cần thiết phải có hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội. Bị cáo L phạm tội 02 lần nhưng đều thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có 01 tình tiết ở khoản 1 và 02 tình tiết ở khoản 2 Điều 51 BLHS; các bị cáo H, T, P, V, Nguyễn Như V, T, T có nhân thân tốt có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà giao cho UBND xã quản lý, giáo dục bị cáo thành công dân tốt.

Ngoài hình phạt chính cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt các bị cáo một khoản tiền nhất định để sung công quỹ nhà nước, và số tiền các bị cáo được hưởng từ việc đánh bạc cũng như số tiền mà bị cáo H làm thư ký cho bị cáo C nay các bị cáo chưa nộp cần buộc các bị cáo phải truy nộp lại để sung công quỹ nhà nước. Riêng bị cáo T là hộ cận nghèo có giấy xác nhận, bị cáo T, bị cáo V hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương, còn bị cáo T chỉ là người mua hộ bị cáo L số lô, đề mà không được hưởng lợi gì nên cần miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo T, T, V và T.

7. Đối với những người chơi đến mua trực tiếp số lô, đề của bị cáo H trong hai ngày 09 và 10 tháng 11 năm 2022, do bị cáo H không quen biết những người này, không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể của họ ở đâu nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố B chưa làm rõ được, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

8. Đối với bị cáo Nguyễn Như V có hành vi mua số lô, đề của bị cáo H trong ngày 10/11/2022 với số tiền là 750.000đ, số tiền này không đủ để truy cứu trách nhiệm hình sự của V nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố B đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền là phù hợp.

8. Về vật chứng: gồm 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh có số imeil: 867511050189057, số imei2: 867511050189040, máy đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A71 màu xám bạc có số imeil: 353408115943183, số imei2: 353409115943181 máy đã qua sử dụng; 02 bộ tú lơ khơ mỗi bộ 52 quân đã qua sử dụng và số tiền 13.020.000đ. Xét thấy số vật chứng trên là điện thoại di động thu của H và V cả H và V đều dùng vào việc phạm tội và số tiền 13.020.000đ cũng là tiền liên quan đến phạm tội cần tịch thu xung công quỹ nhà nước, riêng 02 bộ tú lơ khơ cũng là công cụ phạm tội giá trị sử dụng không còn cần tịch thu tiêu hủy.

10. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Riêng bị cáo T gia đình thuộc diện hộ nghèo nên được miễn án phí HSST.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đức H, Nguyễn Thị C phạm tội “Đánh bạc” và “Tổ chức đánh bạc”

Bị cáo Lê Văn H, Hoàng Thị Nhật V, Nguyễn Như V, Trương Văn T, Đặng Vĩnh P, Đặng Vĩnh L, Tạ Văn T và Trần Duy T phạm tội “Đánh bạc”

- Áp dụng khoản 1 Điều 321 điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt Nguyễn Đức H 07 tháng tù về tội Đánh Bạc.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Đức H 12 tháng tù về tội Tổ chức đánh bạc

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự buộc bị cáo Nguyễn Đức H phải chịu hình phạt chung cho cả 02 tội là 19 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ những ngày đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/11/2022 đến ngày 25/11/2022.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321 điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt Nguyễn Thị C 07 tháng tù về tội Đánh Bạc.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt Nguyễn Thị C 14 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là 21 tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ những ngày đã bị tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 11/11/2022 đến ngày 15/11/2022.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt Đặng Vĩnh L 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 16 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự:

Xử phạt Lê Văn H 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 16 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Nguyễn Như V 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 16 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự:

Xử phạt Hoàng Thị Nhật V 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 16 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Trương Văn T 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 14 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự:

Xử phạt Đặng Vĩnh P 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Tạ Văn T 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Trần Duy T 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

Giao bị cáo Đặng Vĩnh L; Đặng Vĩnh P và Trần Duy T cho UBND xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai giám sát, quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Lê Văn H cho UBND xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang giám sát quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Hoàng Thị Nhật V cho UBND phường Đại P, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh giám sát quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Như V cho UBND xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang giám sát quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Trương Văn T cho UBND phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh giám sát quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Tạ Văn T cho UBND xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang giám sát quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Nếu các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì phải chấp hành theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo

Áp dụng khoản 3 Điều 322 Bộ luật hình sự: Xử phạt H, C mỗi bị cáo 20.000.000đ để sung công quỹ nhà nước.

Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự: Xử phạt H, V, P, L, mỗi bị cáo 10.000.000đ để sung công quỹ nhà nước.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Tạ Văn T, Trương Văn T, Nguyễn Như V và Trần Duy T.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh có số imeil: 867511050189057, số imei2: 867511050189040, máy đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A71 màu xám bạc có số

imei1” 353408115943183, số imei2: 353409115943181, máy đã qua sử dụng và số tiền 13.020.000đ (Mười ba triệu không trăm hai mươi nghìn đồng).

Tịch thu tiêu hủy 02 bộ tú lơ khơ 52 quân đã qua sử dụng. Hiện các vật chứng trên do Chi cục thi hành án dân sự thành phố B quản lý.

Truy thu của bị cáo Nguyễn Đức H số tiền 2.863.300đ, bị cáo Nguyễn Thị C số tiền 30.291.700đ và Đặng Vĩnh L số tiền 12.000.000đ để sung công quỹ nhà nước.

Tiếp tục tạm giữ của bị cáo Nguyễn Đức H số tiền 13.063.300đ, bị cáo Đặng Vĩnh L số tiền 5.000.000đ để đảm bảo thi hành án.

Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Đức H, Nguyễn Thị C, Lê Văn H, Hoàng Thị Nhật V, Nguyễn Như V, Trương Văn T, Đặng Vĩnh P, Đặng Vĩnh L và Trần Duy T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HS-ST.

Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tp B;
- Công an thành phố B;
- Chi cục THADS tp B;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lương Trọng Thịnh

